

Bản án số: 01/2023/HC-PT

Ngày 07 - 7 - 2023

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực Thuế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Như Phượng.

Các Thẩm phán:

Ông Phan Tiến Dũng

Ông Giáp Bá Dự

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Trịnh Thị Mỹ Hiền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai và Điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, mở phiên tòa xét xử trực tuyến phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 01/2022/TLPT-HC ngày 04 tháng 10 năm 2022 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 41/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Thị Ngọc D.

Địa chỉ: Tổ 6, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lương Ngọc P – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư GP thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: 228 Hoàng Hoa Thám, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Người bị kiện: Chi cục Thuế khu vực A – Đ – K.

Địa chỉ trụ sở: 222 Bùi Thị Xuân, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Ngọc Q – Chi cục trưởng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Dương Văn H

Địa chỉ: Tổ 1, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ trụ sở: 236 Phạm Văn Đồng, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Hữu T – Giám đốc. Vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Người bị kiện là Chi cục Thuế khu vực A – Đ – K.

NỘI D VỤ ÁN

1. *Người khởi kiện là bà Trần Thị Ngọc D trình bày:*

Ngày 05/7/2005, bà Nguyễn Thị U được Ủy ban nhân dân thị xã A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 292603 với diện tích 1.948,6m², trong đó có 400m² đất ở và 1.548,6m² đất trồng cây lâu năm tại phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai, tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4, diện tích xây dựng 204m²; nguồn gốc sử dụng đất là nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn H năm 1968.

Năm 2006, bà Nguyễn Thị U tặng cho con gái là bà Trần Thị Ngọc D 176,9m² đất trồng cây lâu năm trong 1.948,6m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 19/5/2006, bà D được Ủy ban nhân dân thị xã A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE373041 đối với 176,9m² đất trồng cây lâu năm được tặng cho.

Ngày 04/11/2020, bà D nộp hồ sơ để làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đối với 110m²/176,9m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 19/11/2020, Ủy ban nhân dân thị xã A ban hành Quyết định số 2316/QĐ-UBND về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, theo đó cho phép bà Trần Thị Ngọc D được chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm sang sử dụng vào mục đích đất ở với diện tích 110m². Ngày 26/11/2020, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã A ban hành Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 2892/PCTTĐC (*sau đây ghi tắt là Phiếu chuyển thông tin 2892*) gửi cho Chi cục Thuế khu vực A – Đ – K, thể hiện nội dung: “Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích là đất trồng cây lâu năm”.

Căn cứ vào Phiếu chuyển thông tin số 2892, ngày 30/11/2020, Chi cục Thuế khu vực A – Đ – K ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2060311-TK0005531/TB-CCT, thông báo cho bà Trần Thị Ngọc D nộp tiền theo mức chênh lệch giữa giá 2 loại đất khi chuyển đối với tổng số tiền phải nộp là 215.050.000 đồng.

Bà D đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã A xác nhận nội dung đăng ký biến động “chuyển mục đích sử dụng 110m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở theo Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của UBND thị xã A” ngày 30/12/2020 tại trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 373041.

Bà D cho rằng thửa đất mà bà đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất được tách ra từ thửa đất có nguồn gốc là đất vườn, ao liền kề trong cùng thửa đất có nhà ở thuộc khu dân cư nên theo quy định tại điểm a, điểm d khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất (*sau đây ghi tắt là Nghị định số 45*) và điểm a khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45 (*sau đây ghi tắt là Thông tư số 76*) thì bà D chỉ phải nộp tiền sử dụng đất bằng 50% số tiền chênh lệch giữa hai loại đất là $((110m^2 \times 2.000.000\text{đồng}) - (110m^2 \times 45.000 \text{ đồng})) \times 50\% = 107.525.000$ đồng. Việc Chi cục Thuế khu vực A – Đ – K ra Thông báo số LTB2060311-TK0005531/TB-CCT thu 215.050.000 đồng tiền sử dụng đất của bà D là đã thu vượt quá 107.525.000 đồng.

Vì vậy, bà Trần Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2060311-TK0005531/TB-CCT ngày 30/11/2020 của Chi cục Thuế khu vực A – Đ – K và yêu cầu Chi cục Thuế phải trả lại số tiền đã thu vượt quá là 107.525.000 đồng.

2. Người bị kiện là Chi cục Thuế khu vực A – Đ – K trình bày:

Việc Chi cục Thuế tính tiền sử dụng đất đối với bà Trần Thị Ngọc D là đúng quy định của pháp luật, căn cứ pháp lý là điểm b, d khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 45; Điều 10 của Luật đất đai; Quyết định số 2316 của UBND thị xã A cho phép bà D chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 373041; Phiếu chuyển thông tin số 2892. Do đó, chi cục Thuế không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc D.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai trình bày:

Việc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã A xác định mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích là “*đất trồng cây lâu năm*” tại Phiếu chuyển thông tin số 2892 là đúng quy định của pháp luật vì theo thành phần hồ sơ mà bà D nộp gồm có: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 373041 ngày 19/5/2006, đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất, quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của Ủy ban nhân dân thị xã A về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, sơ đồ vị trí chuyển mục đích, giấy biên nhận hồ sơ, điều thể hiện đất của bà D xin chuyển mục đích sang đất ở là đất trồng cây lâu năm.

Tại Bản án số 01/2022/HC-ST ngày 10/8/2022, Tòa án nhân dân thị xã A đã quyết định:

Căn cứ Điều 109 của Luật Đất đai; điểm a, điểm d khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng

đất; Thông tư số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất.

Căn cứ khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc D, tuyên hủy toàn bộ quyết định hành chính là Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB 2060311-TK0005531/TB-CCT ngày 30/11/2020 của Chi cục Thuế Khu vực A – Đ – K.

- Buộc Chi cục Thuế Khu vực A – Đ – K phải hoàn trả cho bà Trần Thị Ngọc D số tiền thu vượt so với quy định là 107.525.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/8/2022, Chi cục Thuế khu vực A – Đ – K kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bổ sung nội dung đề nghị Chánh án Tòa án kiến nghị với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã A bãi bỏ Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 2892/PCTTĐC ngày 26/11/2020, lập lại Phiếu chuyển thông tin theo nhận định của Tòa án, làm cơ sở để Chi cục Thuế khu vực A – Đ – K ban hành Thông báo mới theo phán quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện là bà Trần Thị Ngọc D vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án với nội dung đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm; người bị kiện là Chi cục thuế khu vực A - Đ – K giữ nguyên nội dung kháng cáo, giữ nguyên quyết định hành chính bị kiện.

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính, chấp nhận một phần kháng cáo của Chi cục Thuế khu vực A – Đ – K; sửa bản án sơ thẩm, hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2060311-TK0005531/TB-CCT ngày 30/11/2022 của Chi cục thuế khu vực A – Đ – K; buộc Chi cục thuế khu vực A – Đ – K thực hiện nhiệm vụ, công vụ hoàn trả cho bà Trần Thị Ngọc D số tiền 215.050.000 đồng và ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất đối với bà Trần Thị Ngọc D theo đúng quy định của pháp luật. Buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai thực hiện nhiệm vụ

công vụ, ban hành Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính đối với bà Trần Thị Ngọc D theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng

[1.1] Tại phiên tòa, người khởi kiện là bà Trần Thị Ngọc D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai do ông Trịnh Hữu T, chức vụ: Giám đốc, làm người đại diện theo pháp luật, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Ngọc D và ông Trịnh Hữu T.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, xác định quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, xem xét đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung

[2.1] Tính hợp pháp của quyết định hành chính bị kiện

[2.1.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính bị kiện

Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2060311-TK0005531/TB-CCT ngày 30/11/2020 của Chi cục Thuế khu vực A – Đ – K được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự và thủ tục theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Luật Quản lý thuế; Điều 12 của Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 giữa Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất.

[2.1.2] Về nội dung quyết định hành chính bị kiện

Luật đất đai và văn bản hướng dẫn thi hành luật đất đai không có quy định cụ thể thế nào là đất vườn, ao.

Khoản 1 Điều 103 của Luật đất đai quy định: “*Đất vườn, ao của hộ gia đình, cá nhân được xác định là đất ở phải trong cùng một thửa đất đang có nhà ở*” và khoản 1 Điều 24 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: “*1. Đất vườn, ao quy định tại Điều 103 của Luật Đất đai áp dụng đối với trường hợp thửa đất có vườn, ao gắn liền với nhà ở, kể cả thửa đất trong và ngoài khu dân cư thuộc các trường hợp sau:*

a) Thửa đất hiện đang có nhà ở và vườn, ao;

b) Thửa đất mà trên giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định này có thể hiện nhà ở và vườn, ao nhưng hiện trạng đã chuyển hết sang làm nhà ở”.

Từ những quy định nêu trên có thể hiểu “*Đất vườn, ao*” là diện tích đất vườn, ao nằm trong cùng một thửa đất có nhà ở kể cả thửa đất trong và ngoài khu dân cư.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 292603 do Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã A, tỉnh Gia Lai cấp ngày 05/7/2005 cho bà Nguyễn Thị U đối với 1.948,6m² (trong đó có 400m² đất ở, 1.548,6m² đất trồng cây lâu năm); tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4, diện tích xây dựng 204m². Nguồn gốc là nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn H năm 1968.

Ngày 10/4/2006, bà Nguyễn Thị U tặng cho bà Trần Thị Ngọc D 176,9m² đất trồng cây lâu năm trong tổng 1.548,6m² đất trồng cây lâu năm đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được UBND phường B, thị xã A chứng thực. Mặc dù, giữa bà U và bà D lập văn bản chuyển quyền sử dụng đất với tiêu đề “*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”, nhưng nội dung văn bản chuyển quyền thể hiện bà U tặng cho bà D 176,9m² đất trồng cây lâu năm. Trên cơ sở hợp đồng nêu trên, ngày 19/5/2006, bà Trần Thị Ngọc D đã được UBND thị xã A, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 373041 đối với thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 176,9m², mục đích sử dụng đất là đất trồng cây lâu năm, nguồn gốc sử dụng đất là mẹ Nguyễn Thị U cho năm 2006.

Đối chiếu với các quy định đã viện dẫn nêu trên thì thửa đất của bà Trần Thị Ngọc D là đất trồng cây lâu năm nhưng có nguồn gốc là đất vườn, ao gắn liền với nhà ở nhưng người sử dụng đất tách ra để chuyển quyền.

Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 của Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất (*sau đây ghi tắt là Nghị định số 45*) thì trường hợp của bà Trần Thị Ngọc D khi chuyển mục đích sử dụng đất, thu tiền sử dụng đất bằng 50% chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở với tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp tại thời điểm có quyết định chuyển mục đích của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Do đó, Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2060311-TK0005531/TB-CCT ngày 30/11/2022 của Chi cục Thuế khu vực A – Đ – K xác định bà Trần Thị Ngọc D phải nộp tiền sử dụng đất theo mức chênh lệch giữa giá 2 loại đất khi chuyển đổi là không đúng, gây thiệt hại cho người sử dụng đất là bà Trần Thị Ngọc D.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc D, hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2060311-TK0005531/TB-CCT ngày 30/11/2022 của Chi cục Thuế khu vực A – Đ – K là có căn cứ.

[2.2] Ngoài nội dung khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2060311-TK0005531/TB-CCT ngày 30/11/2022 của Chi cục Thuế khu vực A – Đ – K, bà Trần Thị Ngọc D còn yêu cầu Tòa án buộc Chi cục

Thuế khu vực A – Đ – K phải hoàn trả cho bà Trần Thị Ngọc D số tiền thu vượt là 107.525.000 đồng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, Điều 30 của Luật tổ tụng hành chính quy định, đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính là các quyết định hành chính, hành vi hành chính trừ những quyết định hành chính, hành vi hành chính quy định tại khoản 1 của Điều này. Đối chiếu với quy định đã viện dẫn nêu trên thì yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu Tòa án buộc Chi cục Thuế khu vực A – Đ – K phải hoàn trả cho bà Trần Thị Ngọc D số tiền thu vượt là 107.525.000 đồng không phải là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết và chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện này của bà Trần Thị Ngọc D, buộc Chi cục Thuế khu vực A – Đ – K phải hoàn trả cho bà D số tiền thu vượt là 107.525.000 đồng là không đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính, không thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính. Do đó, cần phải hủy phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này của bà Trần Thị Ngọc D theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 143, điểm d khoản 1 Điều 123 của Luật tổ tụng hành chính.

[2.3] Người bị kiện là Chi cục thuế khu vực A – Đ – K kháng cáo một phần bản án, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, bổ sung nội dung đề nghị Chánh án Tòa án kiến nghị với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã A bãi bỏ Phiếu chuyển thông tin số 2892/PCTTĐC ngày 26/11/2020, lập lại Phiếu chuyển thông tin khác theo nhận định của Tòa án, làm cơ sở để người bị kiện ban hành thông báo mới theo phán quyết của Tòa án.

Xét nội dung kháng cáo thấy rằng, Phiếu chuyển thông tin số 2892 không phải là quyết định hành chính bị kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 30 của Luật tổ tụng hành chính. Do đó, Tòa án không có thẩm quyền xem xét, hủy Phiếu chuyển thông tin số 2892 ngày 26/11/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã A. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 10 của Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 giữa Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất thì văn phòng đăng ký đất đai là cơ quan chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin ghi trên Phiếu chuyển thông tin. Đồng thời theo quy định tại Điều 29 của Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính và Điều 15 của Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai thì Văn phòng đăng ký đất đai là cơ quan quản lý hồ sơ địa chính và cũng là cơ quan cung cấp dữ liệu đất đai ở địa phương, do đó Văn phòng đăng ký đất đai buộc phải biết và có đủ điều kiện để xác định mục đích sử dụng trước

khi chuyển mục đích đối với thửa đất đề nghị chuyển mục đích của bà Trần Thị Ngọc D là đất có nguồn gốc là đất vườn, ao. Do đó, cần buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai chỉ đạo Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã A thực hiện nhiệm vụ, công vụ ban hành Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính mới đối với trường hợp của bà Trần Thị Ngọc D, mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích là đất trồng cây lâu năm (có nguồn gốc là đất vườn, ao) để Chi cục Thuế khu vực A – Đ- K ra thông báo nộp tiền sử dụng đất theo đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 45.

[2.4] Về xem xét quyết định hành chính có liên quan

Ngoài ra, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện, sau khi nộp đủ tiền sử dụng đất theo Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2060311-TK0005531/TB-CCT ngày 30/11/2022 của Chi cục thuế khu vực A – Đ – K, bà Trần Thị Ngọc D đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai thông qua Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã A xác nhận nội dung đăng ký biến động “*Chuyển mục đích sử dụng đất 100m² đất ở theo Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của UBND thị xã A*” vào ngày 30/12/2020. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đối với quyết định hành chính có liên quan này theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và Điều 191 của Luật tố tụng hành chính là thiếu sót cần rút kinh nghiệm. Trường hợp này, Tòa án hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2060311-TK0005531/TB-CCT ngày 30/11/2020 của Chi cục thuế khu vực A – Đ – K thì căn cứ để xác nhận nội dung biến động không còn, do đó cần phải hủy nội dung xác nhận đăng ký biến động do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai thông qua Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã A xác nhận ngày 30/12/2020 tại trang tư của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 373041 ngày 19/5/2006 do UBND thị xã A cấp cho bà Trần Thị Ngọc D.

[2.5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của Chi cục Thuế khu vực A – Đ – K, sửa bản án sơ thẩm về những nội dung:

Hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2060311-TK0005531/TB-CCT ngày 30/11/2022 của Chi cục Thuế khu vực A – Đ – K. Buộc Chi cục Thuế khu vực A – Đ – K thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

Hủy nội dung xác nhận đăng ký biến động do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai thông qua Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã A xác nhận ngày 30/12/2020 tại trang tư của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 373041 ngày 19/5/2006 do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp cho bà Trần Thị Ngọc D.

Buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai chỉ đạo Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã A thực hiện nhiệm vụ, công vụ ban hành Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính mới thay thế Phiếu chuyển

thông tin số 2892 đối với bà Trần Thị Ngọc D, mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích là đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc là đất vườn, ao.

Hủy một phần bản án và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc D về việc yêu cầu Tòa án buộc Chi cục Thuế khu vực A – Đ – K phải hoàn trả cho bà Trần Thị Ngọc D số tiền thu vượt là 107.525.000 đồng.

[3] Về án phí:

Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2, khoản 4 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của người bị kiện là Chi cục Thuế khu vực A – Đ – K; sửa bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai như sau:

Áp dụng Điều 108, 109 Luật Đất đai; Điều 3 của Luật quản lý thuế; điểm a khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Thông tư số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất;

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 30, điểm a khoản 2 Điều 106; điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc D; hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2060311-TK0005531/TB-CCT ngày 30/11/2020 của Chi cục Thuế khu vực A – Đ – K. Buộc Chi cục Thuế khu vực A – Đ – K thực hiện nhiệm vụ, công vụ ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất đối với bà Trần Thị Ngọc D theo đúng quy định của pháp luật.

- Hủy nội dung đăng ký biến động “*Chuyển mục đích sử dụng đất 100m² đất ở theo Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của UBND thị xã A*” ngày 30/12/2020 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai thông qua Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thị xã A xác nhận tại trang tư của

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 373041 ngày 19/5/2006 do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp cho bà Trần Thị Ngọc D.

Buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai chỉ đạo Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã A thực hiện nhiệm vụ công vụ, ban hành Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính đối với bà Trần Thị Ngọc D xác định mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích là đất trồng cây lâu năm (có nguồn gốc là đất vườn, ao) để Chi cục Thuế khu vực A – Đ- K ra thông báo nộp tiền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

2. Hủy một phần bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai đã xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án buộc Chi cục thuế khu vực A – Đ – K phải hoàn trả cho bà Trần Thị Ngọc D số tiền thu vượt là 107.525.000 đồng và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

3. Về án phí phúc thẩm:

Chi cục Thuế khu vực A – Đ – K không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho Chi cục Thuế khu vực A – Đ – K số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0011875 ngày 31/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Đương sự;
- TAND thị xã A;
- VKSND thị xã A;
- Cục Thuế tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Đinh Thị Như Phượng